ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH TÍCH HỢP CHIẾN LƯỢC ĐỌC CHỦ ĐỘNG VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH CƠ BẢN CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CÁC NGÀNH KỸ THUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

TẠ THỊ HẢI VÂN
VŨ THỊ MAI QUẾ
TỪ THỊ THU MAI
ĐẶNG THÙY LINH
Trường Đại học Mở Hà Nội

Nhận bài ngày 25/9/2026. Sửa chữa xong 25/10/2026. Duyệt đăng 28/10/2026.

Abstract

This study evaluates a model integrating active reading strategies and artificial intelligence (AI) tools to improve basic English reading comprehension among 200 first-year engineering students at Hanoi Open University. Pre- and post-intervention comparisons showed average increases of more than 40% in students' skimming, scanning, and inferencing skills. The ability to transform texts into mind maps increased by 60.0%, while 76.0% of students demonstrated improved retention of the logical structure of reading passages. Reliance on word-for-word translation declined from 58.0% to 17.0%, whereas the use of AI for grammatical analysis increased by 51.0%. The findings suggest that combining active reading strategies with guided AI use can support reading comprehension, reduce dependence on mechanical translation, and promote more effective independent learning among engineering students.

Keywords: *Artificial intelligence, basic English reading comprehension, engineering students, Hanoi Open University, mind maps, pedagogical intervention.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cơ bản đóng vai trò là công cụ học thuật nền tảng giúp sinh viên (SV) năm thứ nhất nhanh chóng thích ứng với môi trường học tập đại học và chủ động mở rộng tri thức (Anderson, 2003; Grabe, 2009). Yêu cầu thực tiễn đòi hỏi người học không chỉ tiếp nhận văn bản một cách thụ động mà phải hình thành tư duy phân tích, khả năng xử lý thông tin đa chiều và tinh thần tự học suốt đời (Channa et al., 2018; Khellab, 2022). Tại Trường Đại học Mở Hà Nội, một cơ sở giáo dục định hướng mở và ứng dụng công nghệ số mạnh mẽ (Tạ Thị Hải Vân và cộng sự, 2024), việc nâng cao chất lượng học phần Tiếng Anh cơ bản là nhiệm vụ trọng tâm. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực trạng cho thấy SV năm thứ nhất khối ngành Kỹ thuật đối mặt với nhiều rào cản nghiêm trọng: sự thiếu hụt vốn từ vựng nền tảng, lúng túng trước các cấu trúc ngữ pháp phức hợp, thói quen đọc dịch cơ học từng từ sang tiếng mẹ đẻ và sự phụ thuộc vào các công cụ máy dịch tự động (Dương Thị Huyền & Phạm Thị Thanh, 2022; Nguyễn Thị Lan, Trần Thị Thanh Xuân, 2023). Nhằm giải quyết các điểm nghẽn này, nghiên cứu tiến hành thiết kế thử nghiệm tác động sư phạm bám sát 4 nhóm giải pháp tích hợp giữa chiến lược đọc chủ động và ứng dụng AI có định hướng (Trần Thanh Vân, 2025).

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng thiết kế thử nghiệm tác động sư phạm (Pedagogical Intervention Design) kết hợp đối sánh định lượng trước và sau tác động cùng phân tích phản hồi định tính. Mẫu nghiên cứu

(*) Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp trường, Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2026-03.72
Email: haivan8989@hou.edu.vn

bao gồm 200 SV năm thứ nhất thuộc Khoa Công nghệ thông tin (chiếm 55,0%, tương đương 110 SV) và Khoa Điện - Điện tử (chiếm 45,0%, tương đương 90 SV) tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

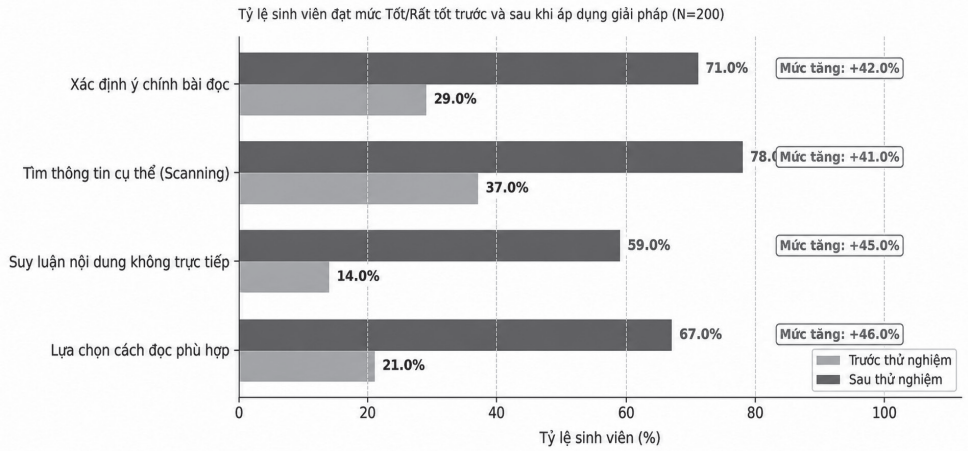
Quy trình can thiệp sư phạm được triển khai đồng bộ thông qua 4 nhóm giải pháp tác động chuyên sâu: - Giải pháp 1: Áp dụng quy trình đọc chiến lược 3 giai đoạn bao gồm Pre-reading để kích hoạt kiến thức nền, While-reading để phân tích mạch văn và Post-reading nhằm củng cố tri thức; - Giải pháp 2: Trực quan hóa cấu trúc bài đọc và hệ thống hóa từ vựng bằng công cụ Sơ đồ tư duy (Mind Map); - Giải pháp 3: Hướng dẫn kỹ năng đặt câu lệnh (Prompts) cho các công cụ Trí tuệ nhân tạo (như ChatGPT, DeepL) để tra cứu thuật ngữ và bóc tách cấu trúc câu phức tạp, thay thế cho thói quen dịch máy thụ động; - Giải pháp 4: Tổ chức mô hình luyện tập tương tác "Hỏi - Đáp" và phản biện 1-1 cùng Chatbot AI nhằm kích thích tư duy phản biện và kéo dài thời gian tự học của SV.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Sự tiến bộ về kỹ thuật đọc chiến lược theo 3 giai đoạn

Việc áp dụng quy trình đọc chiến lược 3 giai đoạn (Pre-reading, While-reading, Post-reading) đã tạo ra một bước ngoặt quan trọng trong tư duy tiếp nhận ngôn ngữ của SV, chuyển hóa người học từ trạng thái thụ động đọc dò từng chữ sang tâm thế chủ động làm chủ mạch logic của văn bản. Số liệu đối sánh trước và sau thực nghiệm cho thấy sự bứt phá toàn diện trên cả hệ thống kỹ năng đọc nền tảng lẫn kỹ năng tư duy bậc cao.

Biểu đồ 1: Tiến bộ kỹ năng đọc chiến lược theo 3 giai đoạn



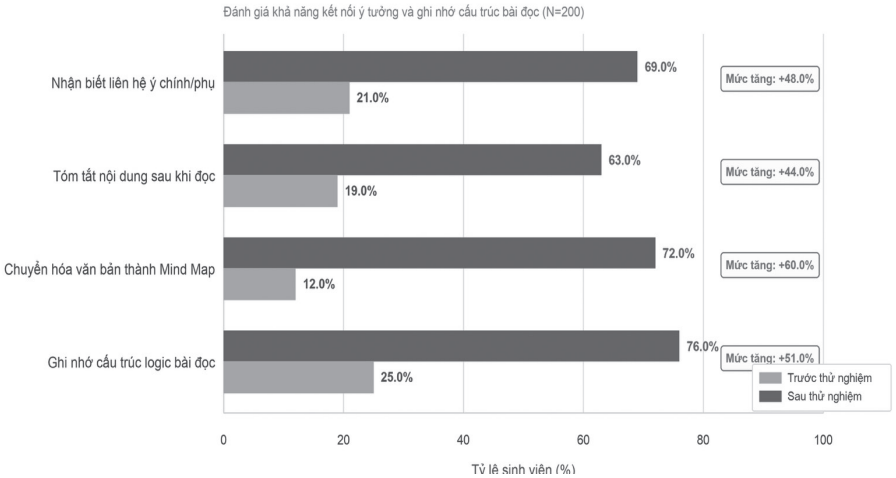
Cụ thể, đối với nhóm kỹ năng định vị thông tin, tỷ lệ SV làm chủ kỹ thuật xác định ý chính (Skimming) đã tăng vọt từ 29,0% (58 SV) lên 71,0% (142 SV), đạt biên độ tăng trưởng +42,0%. Song song đó, kỹ năng đọc quét tìm thông tin cụ thể (Scanning) cũng ghi nhận mức tăng +41,0%, bứt phá từ 37,0% (74 SV) lên 78,0% (156 SV). Sự cải thiện sâu sắc này phản ánh hiệu quả trực tiếp của việc tái cấu trúc thói quen đọc: thay vì bị sa đà và mắc kẹt vào những từ mới không quan trọng, SV đã biết cách định vị từ khóa (keywords) và nhận diện câu chủ đề (topic sentences) để truy xuất dữ liệu nhanh chóng, qua đó khắc phục triệt để tình trạng tốc độ đọc chậm và mơ hồ về ý chính. Đáng chú ý hơn cả là sự thăng tiến ở nhóm kỹ năng đòi hỏi tư duy nhận thức sâu. Khả năng suy luận nội dung không trực tiếp (Inference) vốn là một điểm yếu cốt tử trước thực nghiệm chỉ đạt 14,0% (28 SV) đã ghi nhận mức tăng trưởng lớn nhất lên đến +45,0%, vươn lên mốc 59,0% (118 SV). Trước đây, thói quen dịch nghĩa bề mặt (word-by-word) làm đứt gãy mạch liên kết thông tin khiến người học không thể nhìn ra "ý tại ngôn ngoại". Tuy nhiên, thông qua các hoạt động trong và sau khi đọc (While & Post-reading), SV đã hình thành phản xạ xâu chuỗi các dữ kiện ẩn để tự suy luận ý đồ tác giả. Cùng với đó, tư duy siêu nhận thức của SV cũng được định hình rõ nét. Tỷ lệ người học biết phân tích yêu cầu bài toán để lựa chọn cách đọc phù hợp với mục đích tăng mạnh từ 21,0% (42 SV) lên 67,0% (134 SV), đạt mức tăng +46,0%. Điều này minh chứng rằng người học không chỉ được rèn luyện về mặt thao tác máy móc mà đã hình thành năng lực tự điều chỉnh chiến lược linh hoạt (ví dụ: phân định rõ khi nào chỉ cần đọc lướt để nắm ý bao quát, khi nào cần đọc chậm, đọc kỹ để suy luận logic).

Về mặt tâm lý và lý luận sư phạm, sự thành công của quy trình 3 giai đoạn còn nằm ở việc giải tỏa rào cản cảm xúc. Đặc biệt, thao tác kích hoạt kiến thức nền ở bước Trước khi đọc (Pre-reading) đã đóng vai trò như một "giàn giáo nhận thức", giúp SV dự đoán nội dung, gợi mở sự tò mò và giảm thiểu tối đa áp lực tâm lý hay sự lo âu khi phải đối diện với các văn bản khoa học kỹ thuật dài và phức tạp (Grabe, 2009). Những dữ liệu thực chứng này khẳng định rằng việc rèn luyện chiến lược đọc bài bản không chỉ cải thiện điểm số tức thời mà còn tái tạo năng lực tư duy ngôn ngữ bền vững cho SV khối kỹ thuật.

3.2. Phân tích sự tiến bộ trong việc tổng hợp và hệ thống hóa thông tin bằng sơ đồ tư duy

Bên cạnh việc rèn luyện các kỹ thuật đọc chiến lược, việc ứng dụng sơ đồ tư duy (Mind Map) ở giai đoạn sau khi đọc (Post-reading) đã phát huy vai trò như một công cụ đắc lực trong việc bóc tách và trực quan hóa cấu trúc của các văn bản tiếng Anh chuyên ngành. Dữ liệu khảo sát thực nghiệm cho thấy sự chuyển biến sâu sắc về năng lực tổ chức tư duy và khả năng kiểm soát lượng thông tin phức tạp của người học.

Biểu đồ 2: Khả năng tổng hợp thông tin qua sơ đồ tư duy (Mind Map)



Điểm sáng đầu tiên phải kể đến là sự cải thiện rõ rệt trong khả năng nhận diện cấu trúc văn bản. Cụ thể, tỷ lệ SV nhận biết được mối liên hệ logic giữa các ý chính và ý phụ đã tăng vọt từ 21,0% (42 SV) lên mức 69,0% (138 SV), ghi nhận mức tăng trưởng +48,0%. Trước khi có sự can thiệp sư phạm, phần lớn SV kỹ thuật thường rơi vào tình trạng "hiểu từ lẻ nhưng không hiểu toàn bài", do không xác định được đâu là luận điểm trung tâm, đâu là dẫn chứng bổ trợ. Kéo theo đó, kỹ năng tóm tắt nội dung chính sau khi đọc - một minh chứng cho việc thấu hiểu trọn vẹn văn bản cũng được nâng tầm đáng kể khi tăng từ 19,0% (38 SV) lên 63,0% (126 SV), đạt biên độ tăng +44,0%. Đặc biệt, sự bứt phá mạnh mẽ nhất trong toàn bộ mô hình thực nghiệm nằm ở khả năng thực hành chuyển hóa văn bản thành sơ đồ tư duy, với mức tăng trưởng kỷ lục lên đến +60,0%. Tỷ lệ SV làm chủ kỹ năng này đã tăng từ con số khiêm tốn 12,0% (24 SV) vươn lên mốc 72,0% (144 SV). Thay vì đối diện với những khối văn bản (text blocks) kỹ thuật dài, khô khan và chứa đầy các thuật ngữ phức tạp, SV đã biết cách chắt lọc từ khóa (keywords) và phân nhánh thông tin thành các mạch logic trực quan, sinh động. Quá trình "mã hóa" thông tin từ dạng chữ viết sang dạng sơ đồ hình ảnh đã giúp giảm tải đáng kể áp lực lên bộ nhớ làm việc (working memory) của người học.

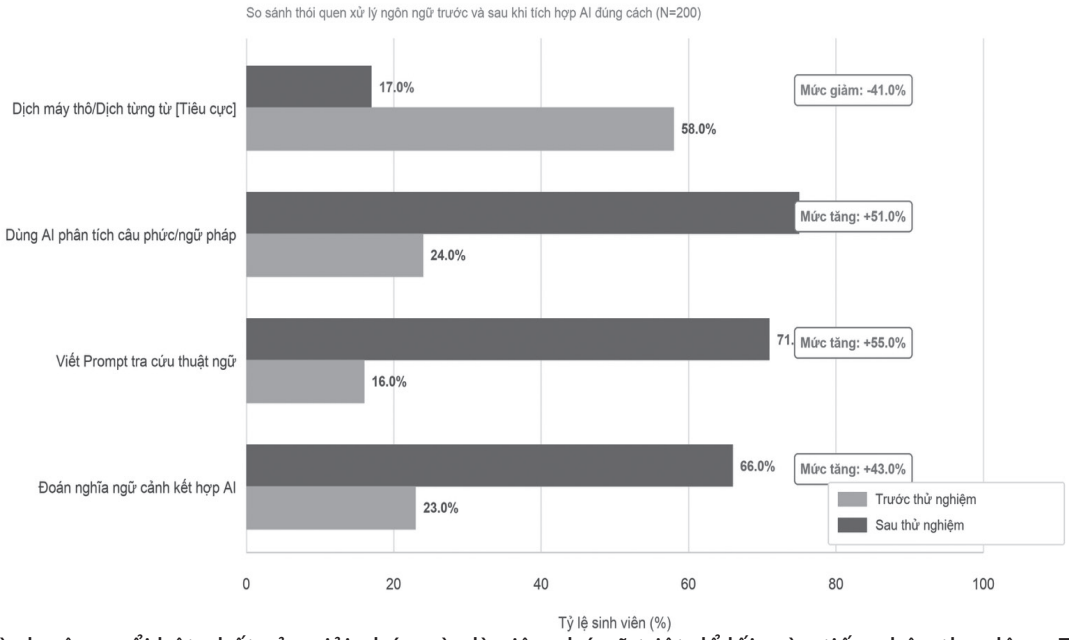
Nhờ sự hỗ trợ đắc lực của công cụ trực quan hóa này, mức độ ghi nhớ cấu trúc logic và hệ thống từ vựng cốt lõi của bài đọc đã đạt tỷ lệ xuất sắc 76,0% (152 SV), tăng +51,0% so với mức 25,0% (50 SV) ở thời điểm ban đầu. Những số liệu này không chỉ chứng minh tính khả thi của giải pháp mà còn khẳng định sự ưu việt của phương pháp trực quan hóa trong dạy học ngoại ngữ (Trần Thị Yến, Phạm Phương Thảo, 2021). Mind Map đã giúp SV rũ bỏ phương pháp học vẹt từ vựng đơn lẻ, thay vào đó là xây dựng một "mạng lưới ngữ nghĩa" (semantic network) chặt chẽ, giúp kiến thức được khắc sâu vào trí nhớ dài hạn và dễ dàng truy xuất khi cần thiết.

3.3. Phân tích sự dịch chuyển thói quen khi tích hợp hướng dẫn sử dụng AI tra cứu từ vựng và phân tích ngữ pháp

Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra cơ hội lớn nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ khiến SV rơi vào

trạng thái thụ động nếu thiếu đi sự định hướng sư phạm. Tuy nhiên, sau quá trình áp dụng mô hình can thiệp hướng dẫn sử dụng AI (như ChatGPT, DeepL) đúng phương pháp, dữ liệu thực nghiệm đã ghi nhận một cuộc "cách mạng" thực sự trong thói quen và tư duy xử lý ngôn ngữ của SV năm thứ nhất.

Biểu đồ 3: Sự dịch chuyển trong kỹ năng và thói quen sử dụng AI



Thành công nổi bật nhất của giải pháp này là việc phá vỡ triệt để lối mòn tiếp nhận thụ động. Thói quen tiêu cực như dừng lại dịch cơ học từng từ hoặc lạm dụng các công cụ dịch máy thô (copy-paste nguyên đoạn văn) đã sụt giảm vô cùng mạnh mẽ, từ mức báo động 58,0% (116 SV) xuống chỉ còn 17,0% (34 SV), tương đương mức giảm sâu -41,0%. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào một bản dịch tiếng Việt đôi khi thiếu chính xác về chuyên ngành, SV đã bắt đầu tự chịu trách nhiệm với quá trình giải mã ngôn ngữ của chính mình.

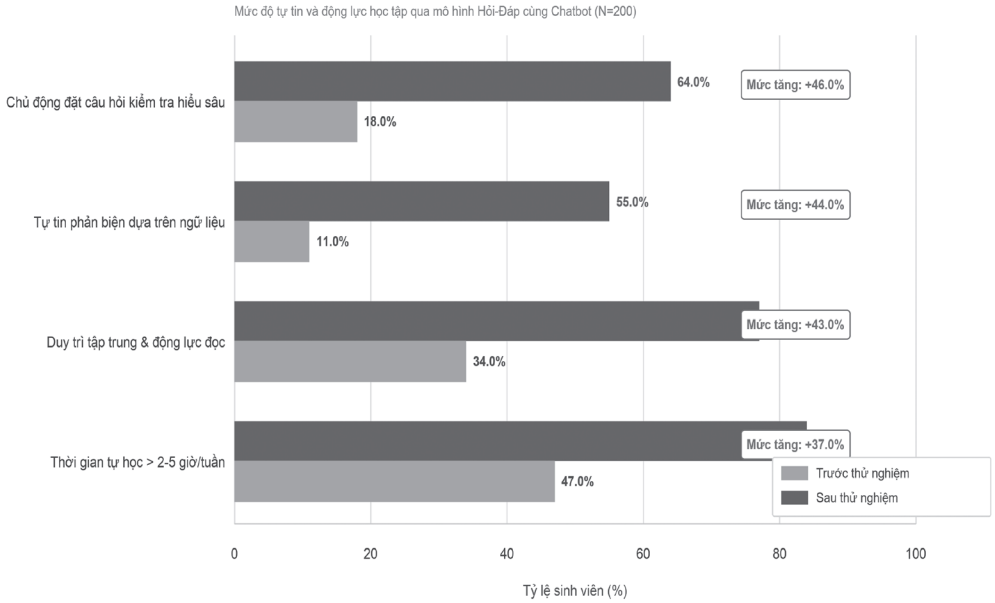
Sự sụt giảm của thói quen dịch thô được thay thế hoàn hảo bằng sự thăng tiến vượt bậc trong kỹ năng tương tác với AI. Tỷ lệ SV biết cách viết câu lệnh (Prompt) chuyên biệt để tra cứu thuật ngữ chuyên ngành đã ghi nhận mức tăng trưởng cao bậc nhất, từ 16,0% (32 SV) vươn lên 71,0% (142 SV), tức tăng +55,0%. SV đã biết cách yêu cầu AI giải thích từ vựng trong một ngữ cảnh cụ thể, cung cấp từ đồng nghĩa, trái nghĩa và họ từ thay vì chỉ tra nghĩa tiếng Việt đơn thuần. Đồng thời, kỹ năng sử dụng AI để bóc tách và phân tích các cấu trúc câu phức/ngữ pháp nhiều tầng nấc cũng tăng từ 24,0% (48 SV) lên 75,0% (150 SV), đạt mức tăng +51,0%. Những câu văn dài mang đặc thù của tài liệu kỹ thuật giờ đây không còn là nỗi ám ảnh, bởi người học đã biết cách nhờ AI phân rã thành các mệnh đề nhỏ để dễ dàng nhận diện chủ ngữ, vị ngữ. Bên cạnh đó, việc kết hợp giữa nội lực bản thân và sức mạnh công nghệ cũng được thể hiện rõ nét qua tỷ lệ SV chủ động đoán nghĩa dựa vào ngữ cảnh kết hợp với hỗ trợ từ AI, tăng từ 23,0% (46 SV) lên 66,0% (132 SV), đạt mức tăng trưởng +43,0%. Những số liệu trên là minh chứng rõ nét cho thấy, dưới sự dẫn dắt sư phạm bài bản, AI đã thực sự được chuyển đổi vai trò từ một "cỗ máy dịch thuật làm bài hộ" trở thành một "trợ lý học tập cá nhân hóa" đắc lực. SV không những tháo gỡ được rào cản ngôn ngữ, giảm bớt áp lực tâm lý mà còn hình thành được tư duy khai thác công nghệ thông minh, có trách nhiệm và phục vụ hiệu quả cho việc phát triển năng lực tự học chuyên sâu.

3.4. Phân tích sự cải thiện năng lực tương tác, tư duy phản biện và thời gian tự học thông qua mô hình Chatbot AI

Đỉnh cao của việc ứng dụng công nghệ trong mô hình thực nghiệm này không chỉ dừng lại ở thao tác tra cứu từ vựng hay cấu trúc mà là việc nâng cấp Chatbot AI trở thành một "đối tác học tập" trong

không gian giao tiếp 1-1. Thông qua mô hình luyện tập tương tác và đặt câu hỏi phản biện cùng AI, SV đã có một bước nhảy vọt đáng kinh ngạc về mặt tư duy bậc cao cũng như thói quen tự rèn luyện.

Biểu đồ 4: Cải thiện năng lực tương tác, phản biện và thời gian tự học



Về năng lực tương tác và đào sâu kiến thức, số liệu thực nghiệm cho thấy tỷ lệ SV chủ động đặt câu hỏi kiểm tra độ hiểu sâu (comprehension check) sau khi đọc đã tăng mạnh từ 18,0% (36 SV) lên mức 64,0% (128 SV), ghi nhận mức tăng trưởng +46,0%. Thay vì gấp sách lại ngay khi vừa đọc xong bản dịch như trước đây, SV đã biết cách yêu cầu AI tạo ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận ngắn dựa trên chính văn bản vừa đọc để tự kiểm tra xem mình đã thực sự hiểu đúng ý đồ của tác giả hay chưa. Quá trình "tự khảo thí" này giúp người học liên tục giám sát được tiến trình nhận thức của bản thân. Bên cạnh đó, sự cải thiện về tư duy phản biện của SV khối kỹ thuật vốn là nhóm đối tượng thường e ngại bộc lộ quan điểm bằng ngoại ngữ đã mang lại tín hiệu hết sức tích cực. Tỷ lệ SV có khả năng tự tin phản biện và tranh luận dựa trên ngữ liệu kỹ thuật tăng từ 11,0% (22 SV) lên 55,0% (110 SV), tương đương mức tăng +44,0%. Trong môi trường giả định với Chatbot, SV không bị áp lực sợ sai, sợ bị đánh giá như khi giao tiếp trực tiếp trên lớp. Điều này tạo ra một "vùng an toàn tâm lý", khuyến khích các em mạnh dạn đưa ra ý kiến cá nhân, yêu cầu AI đóng vai trò là "người phản biện" (devil›s advocate) để đào sâu các vấn đề khoa học, công nghệ được đề cập trong bài đọc. Chính nhờ việc biến một quá trình đọc hiểu văn bản tĩnh, khô khan thành một phiên giao tiếp động, đa chiều, hứng thú học tập của SV đã được khơi dậy mạnh mẽ. Tỷ lệ SV duy trì được sự tập trung và động lực khi đọc tài liệu tiếng Anh đã bứt phá từ 34,0% (68 SV) lên 77,0% (154 SV), đạt mức tăng +43,0%. Hệ quả tất yếu và cũng là thành quả sư phạm lớn nhất của mô hình này chính là sự gia tăng vượt bậc về thời gian rèn luyện cá nhân. Tỷ lệ SV dành trên 2 đến 5 giờ mỗi tuần cho việc tự học đọc hiểu đã tăng từ 47,0% (94 SV) lên mức 84,0% (168 SV), ghi nhận mức tăng +37,0%. Dưới sự hỗ trợ của trợ lý ảo AI luôn sẵn sàng 24/7, người học không còn cảm giác bế tắc, chán nản khi gặp bài khó. Môi trường học tập tương tác số đã làm xuất sắc nhiệm vụ chuyển hóa động lực học tập ngoại sinh (học vì điểm số, vì yêu cầu môn học) thành thói quen học tập tích cực, bền vững từ nội tại, đặt nền móng vững chắc cho năng lực học tập suốt đời của SV.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu thử nghiệm tác động sư phạm trên 200 SV năm thứ nhất khối ngành Kỹ thuật tại Trường Đại học Mở Hà Nội đã phác họa một bức tranh toàn diện và cung cấp những minh chứng định lượng rõ nét về tính ưu việt của mô hình tích hợp chiến lược đọc chủ động và ứng dụng AI.

Kết quả thực nghiệm khẳng định, việc áp dụng đồng bộ quy trình đọc 3 giai đoạn kết hợp với công cụ trực quan hóa sơ đồ tư duy đã giúp SV giải quyết triệt để rào cản về từ vựng và sự lúng túng trước các cấu trúc ngữ pháp phức hợp. Các chỉ số về kỹ năng đọc lướt xác định ý chính, đọc quét tìm thông tin và suy luận gián tiếp đều ghi nhận mức tăng trưởng đột phá trung bình trên 40%. Đặc biệt, sự chuyển giao vai trò của AI từ một công cụ dịch máy thô thiển, gây thụ động sang một trợ lý học tập cá nhân hóa thông qua kỹ năng viết câu lệnh (Prompts) chuyên biệt- đã triệt tiêu hoàn toàn thói quen đọc dịch cơ học từng từ (giảm mạnh 41,0%). Hơn thế nữa, môi trường học tập tương tác số thông qua mô hình "Hỏi - Đáp" cùng Chatbot AI đã tạo ra một vùng an toàn tâm lý, kích thích tư duy phản biện và sự tự tin tranh luận của SV. Thành quả giá trị nhất của mô hình này không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực đọc hiểu tiếng Anh cơ bản một cách thực chất mà còn là sự gia tăng vượt bậc về động lực tự thân và thời gian tự học ngoài giờ lên lớp (tăng 37,0%). Điều này đặt nền móng vững chắc giúp SV kỹ thuật tự tin tiếp cận các học phần chuyên ngành và chủ động hội nhập vào thị trường lao động toàn cầu.

4.2. Kiến nghị

Dựa trên những kết quả tích cực từ thực nghiệm nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy và duy trì năng lực tự học bền vững cho SV, nhóm nghiên cứu đề xuất 3 khuyến nghị sư phạm trọng tâm sau: 1) Chuẩn hóa và đưa quy trình hướng dẫn sử dụng AI cùng Sơ đồ tư duy vào chương trình giảng dạy chính khóa. Bộ môn cần tích hợp các bài giảng hướng dẫn kỹ năng viết câu lệnh (Prompt engineering) chuyên biệt cho việc học ngoại ngữ, đồng thời đưa kỹ thuật chuyển hóa văn bản thành Mind Map trở thành một yêu cầu bắt buộc (portfolio) trong hệ thống đánh giá quá trình của môn học Tiếng Anh cơ bản. Việc này giúp biến các công cụ công nghệ tự phát thành kỹ năng học thuật chính thống; 2) Xây dựng và số hóa ngân hàng học liệu đọc hiểu phân tầng trên hệ thống quản lý học tập (LMS). Khoa và nhà trường cần phối hợp biên soạn kho tài liệu đọc hiểu thực tế gắn với các chủ đề khoa học, công nghệ, được phân loại theo thang độ khó tăng dần (từ cấp độ A2 chuyển tiếp lên B1). Đặc biệt, mỗi văn bản trên hệ thống LMS cần được tích hợp sẵn bảng giải nghĩa từ vựng cốt lõi (Glossary) bao gồm phiên âm, định nghĩa bằng tiếng Anh và ví dụ minh họa, đóng vai trò như một "giàn giáo ngôn ngữ" hỗ trợ SV trước khi đọc toàn bài; 3) Mở rộng không gian học tập tương tác số và phát triển hệ sinh thái ngoại ngữ ngoài giảng đường. Do thời lượng trên lớp có hạn, nhà trường cần tăng cường tổ chức các hoạt động câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành và các diễn đàn giao lưu học thuật cởi mở. Đồng thời, tiếp tục khuyến khích SV sử dụng các không gian học tập tương tác số (như các nền tảng AI được nhà trường kiểm duyệt) để duy trì thói quen tự luyện tập, tự kiểm tra đánh giá, qua đó nuôi dưỡng hứng thú tự học và phản xạ ngôn ngữ bền vững cho người học.

Như vậy, việc triển khai đồng bộ các kiến nghị trên không chỉ tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn trong thực tiễn tiếp nhận ngôn ngữ mà còn kiến tạo một hệ sinh thái học tập ngoại ngữ thông minh, toàn diện. Qua đó, SV khối ngành kỹ thuật sẽ được trang bị bệ phóng vững chắc về cả tư duy tự chủ lẫn năng lực học tập suốt đời, sẵn sàng thích ứng linh hoạt trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

Anderson, N. (2003). *Active skills for reading.* Thomson Heinle.

Channa, M. A., et al. (2018). Developing reading comprehension skills among university students. *International Journal of English Linguistics, 8*(5), 112-124.

Dương Thị Huyền, Phạm Thị Thanh (2022). Khó khăn và chiến lược đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 18*(6), 28-33.

Grabe, W. (2009). *Reading in a second language: Moving from theory to practice.* Cambridge University Press.

Khellab, F. (2022). Metacognitive reading strategies among first-year university students. *Journal of Academic Reading, 10*(1), 15-29.

Nguyễn Thị Lan, & Trần Thị Thanh Xuân. (2023). Đánh giá thói quen đọc và động lực học Tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, 39*(2), 80–88.

Tạ Thị Hải Vân, Vũ Thị Mai Quế, Từ Thị Thu Mai (2024). *Nghiên cứu thực tiễn ứng dụng công nghệ và đổi mới giảng dạy ngoại ngữ tại Trường Đại học Mở Hà Nội.* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, tr. 115-124.

Trần Thanh Vân (2025). Sử dụng AI để cải thiện kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên năm thứ nhất Khoa Tiếng Anh, một trường đại học công lập tại Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Hà Nội, số đặc biệt 1A,* tháng 8, tr. 237-246. https://doi.org/10.59266/houjs.2025.631.